TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 89/2025/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 229/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị P** - Sinh năm: 1977; địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre).

- *Bị đơn:* Ông **Võ Thanh T** - Sinh năm: 1971; địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Thanh T về phần tài sản, nợ: Ông **Đinh Văn N** - Sinh năm: 1977; địa chỉ: Ấp L, xã C, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên lạc: Ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1) Bà **Trịnh Thị L** - Sinh năm: 1945; địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre).

2) Bà **Võ Thị H** - Sinh năm: 1973; địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre).

3) Ông **Lê Văn T1** - Sinh năm: 1973; địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre).

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị P với ông Võ Thanh T.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị P và ông Võ Thanh T thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2.2) Về con chung: Bà Lê Thị P, ông Võ Thanh T cùng xác định ông bà chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.

2.3) Về tài sản: Bà Lê Thị P rút yêu cầu khởi kiện về phần tài sản, ông Võ Thanh T rút yêu cầu phản tố đối với số tiền mà ông đã trả cho Ngân hàng N1. Bà P, ông T đã thương lượng được với nhau về các nội dung này và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét, giải quyết.

2.4) Về nợ chung:

- Bà Lê Thị P có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T1 ½ khoản nợ tiền thức ăn chăn nuôi là 13.500.000VND (mười ba triệu năm trăm ngàn đồng).

- Ông Võ Thanh T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T1 ½ khoản nợ tiền thức ăn chăn nuôi là 13.500.000VND (mười ba triệu năm trăm ngàn đồng).

2.5) Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị P tự nguyện nhận chịu 150.000VNĐ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 337.500VNĐ (ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc trả nợ cho ông T1; tổng cộng là 487.500VNĐ (bốn trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà P đã nộp là 2.925.000VNĐ (hai triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007800, 0000451 cùng ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, hoàn trả lại cho bà P số tiền chênh lệch là 2.437.500VNĐ (hai triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

- Ông Võ Thanh T tự nguyện nhận chịu 337.500VNĐ (ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc trả nợ cho ông T1; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp là 3.006.000VNĐ (ba triệu không trăm lẻ sáu ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0000981 ngày 28/7/2025 Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, hoàn trả lại cho ông T số tiền chênh lệch là 2.668.500VNĐ (hai triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Lê Văn T1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông T1 đã nộp là 675.000VNĐ (sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000520 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

3/ Kể từ ngày ban hành quyết định này (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- T.H.A.D.S tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GĐ, KT, TT và T.H.A-TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Phước Mỹ Trung;
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên